TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Huy- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ.ngày 10 tháng 01 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N; nơi ĐKHKTT: Số G P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số A A2 tầng 1 cầu T V, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lã Quý R; nơi ĐKHKTT: Số G P, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số I Đà Nẵng, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 10/11/2023,, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lã Quý R kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 14/12/1993. Sau khi kết hôn, ông bà sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Đến nay ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết cho bà và ông R được ly hôn.

- Về con chung: Ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Lã Quý R vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông R cũng như tống đạt các văn bản của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông R nhưng tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ông R vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà N, nội dung vẫn giữ nguyên quan điểm như tại quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Lã Quý R. Về việc nuôi con: Hai bên không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc chia tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà Trần Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là ông Lã Quý R, nơi sinh sống: Số I Đà Nẵng, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lã Quý R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông R kết hôn trên cơ sở tự nguyện tuân thủ theo quy định của các Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của ông R và bà N qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện quá trình chung sống, bà N và ông R phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến nay ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Xét mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ lẫn chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà N xin được ly hôn với ông R là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà N và ông R không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N và ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị N, sinh năm 1955 là người cao tuổi và có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Lã Quý R.

2. Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Lã Quý R không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Lã Quý R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị N và bị đơn ông Lã Quý R được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền (ĐKKH ngày 14/12/1993);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lý Thị Thiên Nga Nguyễn …..	**Bùi Duy Khoa**